



DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.042

QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TƯ TƯỞNG CỨU NƯỚC CỦA PHAN BỘI CHÂU ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Lê Thị Ngọc Nữ*

Trường Chính trị Phạm Hùng tỉnh Vĩnh Long

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Lê Thị Ngọc Nữ (email: hoaingoc165@gmail.com)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 16/12/2019

Ngày nhận bài sửa: 05/04/2020

Ngày duyệt đăng: 29/04/2020

Title:

The process of transforming Phan Boi Chau's thought of saving the nation to the Vietnamese revolution

Từ khóa:

Cách mạng Việt Nam, Phan Bội Châu, tư tưởng cứu nước

Keywords:

Phan Boi Chau, thought to save the country, Vietnam's revolution

ABSTRACT

The process Phan Boi Chau's ideation is a long process with both success and failure and is filled with hardship and sacrifice for his revolutionary activities. However, because of the limits of a traditional confucianist, Phan Boi Chau could not reach the final victory of saving the country. However, the great merits of Phan Boi Chau is that he pointed out the right direction for the Vietnamese Revolution, from which the next generation patriots continued and led to the victory of people's liberation and independence of Vietnam.

TÓM TẮT

Quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu là một quá trình có cả thành công lẫn thất bại, gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng đầy hy sinh, gian khổ của cụ. Tuy nhiên, do chưa vượt qua khỏi giới hạn của một nhà nho truyền thống, mà con đường cứu nước của Phan Bội Châu chưa thể đi đến thắng lợi cuối cùng. Mặc dù vậy, công lao to lớn của Phan Bội Châu là đã vạch ra được hướng đi đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, để từ đó các nhà yêu nước thế hệ sau tiếp tục và đi đến thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho nước nhà.

Trích dẫn: Lê Thị Ngọc Nữ, 2020. Quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu đối với cách mạng Việt Nam. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(2C): 152-160.

1 GIỚI THIỆU

Đã có nhiều nhà sử học, nhà quân sự, nhà văn, nhà thơ... ở trong và ngoài nước viết về Phan Bội Châu. Nhìn chung, khi nghiên cứu về Phan Bội Châu, các nhà khoa học đã nghiên cứu một cách tổng thể, bao quát về sự nghiệp hoạt động cách mạng, về những đóng góp to lớn của Phan Bội Châu với tư cách “bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập” (Hồ Chí Minh, 2000), các tác giả đã phân tích và đưa ra những nhận định, đánh giá sâu sắc về đặc điểm, khuynh hướng và ý nghĩa lịch sử to lớn trong tư tưởng của cụ. Tuy nhiên, những nhận định, đánh giá trên thường được các nhà nghiên cứu tập trung vào nội dung tư tưởng của Phan Bội Châu mà

chưa đi vào phân tích, nhận định, đánh giá cụ thể về quá trình chuyển biến trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu thành một chủ đề riêng biệt. Bài viết này tập trung tìm hiểu những giá trị của quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước Phan Bội Châu đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2 NỘI DUNG BÀI VIẾT

2.1 Khái quát quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam phải đối đầu với nhiều thách thức và biến động, chịu sự áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân, phong kiến.

Trong bối cảnh đó, Phan Bội Châu đã nhận ra được mục đích cuối cùng của cách mạng Việt Nam là độc lập cho dân tộc. Để thực hiện được mục đích và lý tưởng đó, Phan Bội Châu đã bôn ba khắp trong và ngoài nước để tìm kiếm con đường duy tân, cách mạng cứu dân, cứu nước. Trải qua quá trình hoạt động cách mạng sôi nổi, từ Duy Tân hội và phong trào Đông Du đến tổ chức Việt Nam Quang phục hội và bước đầu là Việt Nam Quốc dân đảng, hướng tới phong trào cách mạng thế giới. Cụ đã trải qua, đấu tranh để lựa chọn, tìm ra con đường đúng đắn, xây dựng, phát triển các tổ chức cách mạng và tiến hành các phương pháp đấu tranh cách mạng cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu của mỗi giai đoạn lịch sử. Đó là quá trình chuyển biến đầy chông gai, thử thách trong cuộc đời cách mạng của Phan Bội Châu. Sự chuyển biến bắt đầu từ giai đoạn hình thành lòng yêu nước, ý chí cứu nước, rồi biến ý chí đó thành quyết tâm mạnh mẽ làm nên những hành động cụ thể. Rồi sự chuyển biến đi từ tư tưởng của một nhà nho truyền thống nhờ tiếp thu Tân văn, Tân thư chuyển biến thành nhà nho Duy tân; trong mô hình nhà nước từ quân chủ sang dân chủ tư sản, rồi tiến đến nền dân chủ cộng hòa; là bước chuyển từ chủ trương duy tân đến bạo động cách mạng, từ bạo động cách mạng đến kết hợp giữa đấu tranh bạo động với tuyên truyền, giáo dục; và từ đấu tranh ôn hòa có khuynh hướng cải lương, đến bạo động cách mạng triệt để hơn. Và cuối cùng, vào những năm cuối đời, Phan Bội Châu tiếp xúc với tư tưởng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, Phan Bội Châu xem chủ nghĩa xã hội như là kết quả của sự tự phát triển, xem chủ nghĩa xã hội như một phát minh, nảy ra từ những tấm lòng thương xót nào đó của con người. Mặc dù có những hạn chế nhất định nhưng không thể phủ nhận rằng sự thành công của Đảng ta trong cuộc cách mạng dân tộc – dân chủ là có sự đóng góp to lớn của Phan Bội Châu – một sĩ phu yêu nước từng đấu tranh quên mình vì lý tưởng cao đẹp. Những đóng góp to lớn của Phan Bội Châu trong hành trình tìm đường cứu nước đã được Hồ Chí Minh từng đánh giá và khẳng định “*bác anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được hai mươi triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng...*” (Hồ Chí Minh, 2000).

Khi đánh giá về vai trò, công lao của những nhân vật lịch sử đối với dân tộc, Lênin đã viết: “Khi xem xét công lao lịch sử của các nhân vật lịch sử, người ta không căn cứ vào chỗ họ cống hiến được gì so với những đòi hỏi của thời đại đương thời, mà căn cứ vào chỗ họ đã cống hiến được gì mới so với các bậc tiền bối của họ” (V.I.Lênin, 2006). Phan Bội Châu và thế hệ của ông tuy chưa giải quyết được những nhiệm vụ lịch sử dân tộc đề ra, nhưng công lao

chính của họ là ở chỗ đã đặt ra được các vấn đề đó để các nhà yêu nước thế hệ sau tiếp tục giải quyết triệt để, có những bước đi vững chắc hơn trên công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

2.2 Giá trị quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu đối với cách mạng Việt Nam

Khi đánh giá bước chuyển tư tưởng trong sự nghiệp cứu nước của Phan Bội Châu, Unselt Jorger trong luận án Việt Nam, những tư tưởng yêu nước và máu xít trong mấy tác phẩm cuối đời của Phan Bội Châu đã viết “Hai giai đoạn cách mạng của hai lãnh tụ Phan Bội Châu và Hồ Chí Minh là hai giai đoạn kế tiếp nhau. Nếu không có những kinh nghiệm của Phan Bội Châu thì cũng không thể có sự thành công của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là sự kế thừa biện chứng” (Chương Thâu, 2000b). Và đây chính là “luận cứ để chứng minh cho tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh” (Nguyễn Văn Hòa, 2006).

Mặc dù còn những hạn chế nhất định nhưng quá trình chuyển biến trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu đã để lại những đóng góp đáng ghi nhận:

2.2.1 Về phương pháp đấu tranh cách mạng

Sau nhiều lần thất bại, trước những điều kiện lịch sử diễn biến theo chiều hướng mới, nhất là tác động của đường lối “bất bạo động, bất hợp tác” của Đảng Quốc đại ở Ấn Độ giành được những thắng lợi nhất định. Phan Bội Châu không thể không nghĩ tới việc thay đổi đường lối cứu nước để phù hợp với tình thế. Theo đó, Phan Bội Châu cũng đưa ra một đường lối “cải lương” và tưởng rằng đó chỉ là “trương kế tựu kế”.

Đang trong tâm trạng hoang mang, dao động, năm 1917, Phan Bội Châu viết tác phẩm “Pháp – Việt đề huề luận”, tác phẩm được chính thức xuất bản vào năm 1929. Thông qua “Pháp – Việt đề huề luận”, Phan Bội Châu đã bộc lộ quan điểm chính trị của mình trong giai đoạn này. Theo Phan Bội Châu, nước Nhật ngày càng hùng mạnh và sẽ bộc lộ âm mưu xâm chiếm Đông Nam Á, trong đó có Đông Dương, và khi Pháp gặp phải đối thủ hùng mạnh là Nhật với những lợi thế đang có của Nhật, chắc rằng Pháp sẽ thất bại. Do vậy, theo Phan Bội Châu, Pháp muốn trụ vững ở Đông Dương, không còn cách nào khác, Pháp phải hợp tác với người Việt. Riêng Việt Nam, nếu để rơi vào tay Nhật, sẽ có nguy cơ mất cả giống nòi. Đứng trước tình thế đó, theo Phan Bội Châu chỉ có Pháp – Việt “đề huề” với nhau, đó là bước đi có lợi cho cả hai bên. Tuy nhiên, sau khi Pháp đưa ra những điều kiện cụ thể trước chủ trương

“đề huê” thì Phan Bội Châu nhận thấy mình đã mơ hồ để hở cơ hội cho bọn chúng lợi dụng. Ngay lúc đó, cụ đã cự tuyệt mọi sự ve vãn của Pháp. Trong *Phan Bội Châu niên biểu*, cụ đã nhận là do “nhầm lẫn” và “khinh suất” mà viết ra bài luận đó, đồng thời nhấn mạnh: “ý nghĩa đề huê mà tôi đề ra, đối với cái đề huê của người Pháp, hai bên khác nhau như nước với lửa” (Phan Bội Châu và Nguyễn Khắc Ngữ, 1973).

Giữa lúc Phan Bội Châu đang ở trong tình trạng bế tắc, gặp phải những mâu thuẫn về tư tưởng dường như không gỡ ra được thì cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, đưa đến sự ra đời của nước Nga Xô Viết, báo hiệu bắt đầu một kỷ nguyên mới của lịch sử. Tiếng vang của cuộc Cách mạng vĩ đại này như một “tiếng sét” đối với Phan Bội Châu. Sự kiện lịch sử ấy làm Phan Bội Châu tươi tắn đôi phần và dường như thức tỉnh cụ.

Ảnh hưởng của cách mạng Tháng Mười đến với Phan Bội Châu không đơn giản, mà là có điều kiện và trải qua một thời gian tương đối dài mới gây được sự chuyển biến lớn trong tư tưởng của cụ, ngay từ năm 1920, Phan Bội Châu đã tìm hiểu cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga với tất cả tấm lòng thiện chí, vẫn hướng về phía nước Nga Xô viết. Tuy vậy, mãi đến năm 1925, khi chủ trương đấu tranh ôn hòa hoàn toàn thất bại, lúc này ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin và thắng lợi của cách mạng Tháng Mười với sự bước lên vũ đài chính trị của giai cấp vô sản mới thực sự thức tỉnh, soi sáng tư tưởng Phan Bội Châu, cụ suy nghĩ và chuyển biến tư tưởng theo chiều hướng mới, tiến bộ. Phan Bội Châu viết: “nhận thấy phong trào hiện nay dần chuyển khuynh hướng về cách mạng thế giới, mới thảo luận với các đồng chí, thủ tiêu Hội Quang Phục, cải tổ thành Việt Nam Quốc dân đảng” (Phan Bội Châu và Nguyễn Khắc Ngữ, 1973).

Giai đoạn này phong trào cách mạng ở trong nước ta cũng bắt đầu bước sang một giai đoạn mới. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác – Lênin và phong trào đấu tranh tự phát của giai cấp công nhân được mở rộng và tiến dần sang đấu tranh tự giác. Tình hình cách mạng ở Liên Xô, Trung Quốc và trong nước ít nhiều ảnh hưởng đến tư tưởng Phan Bội Châu. Vụ ném bom mưu sát toàn quyền Martial Merlin của Phạm Hồng Thái mặc dù không phải do Phan Bội Châu chủ trương, nhưng ngay lập tức sau đó, cụ đã phát lời tuyên ngôn trước dư luận thế giới để cảnh cáo đế quốc Pháp, cũng là để phát huy chiến quả việc làm “oanh liệt” đó của Phạm Hồng Thái, thể hiện thái độ khâm phục và ủng hộ đường lối của Chủ nghĩa Mác – Lênin và cách mạng Tháng Mười

Nga. Từ đây, Phan Bội Châu tiếp tục khẳng định chủ trương “hòa bình, hợp tác” với giặc là sai lầm để trở về với con đường bạo lực cách mạng.

Nhận thấy rằng khi chuyển từ chủ trương bạo động cách mạng sang đấu tranh ôn hòa. Sau vòng lần quẩn và trải nghiệm thực tế giữa hai phương pháp bạo động và đề huê, từ những thất bại đau thương nhất là trong phương pháp đề huê, Phan Bội Châu đã khẳng định và kiên trì con đường vũ trang bạo động và theo ông, chỉ có con đường ấy mới đánh đổ được cường quyền, giải phóng hoàn toàn đất nước. Cách đặt vấn đề của Phan Bội Châu rất đúng bởi “Ở một nước thuộc địa, trong điều kiện dù là một sự phản kháng hòa bình nhất cũng bị đàn áp dã man, thì việc dùng bạo lực cách mạng để đập tan bạo lực phản cách mạng là con đường duy nhất đúng đắn để giành thắng lợi cho cách mạng” (Chung Thu, 2012).

Mặc dù không giành được thắng lợi, song tư tưởng bạo động của Phan Bội Châu đã thể hiện hướng đi đúng của lịch sử, có ý nghĩa rất lớn đối với phong trào cách mạng Việt Nam.

Phan Bội Châu là nhà yêu nước Việt Nam đầu tiên đặt mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Ông xứng đáng là “Người đầu tiên hiểu biết nhìn ra biển – người có tầm mắt Thái Bình Dương... người có tư tưởng liên minh quốc tế sớm nhất trong quá trình tìm đường cứu nước” (Đình Xuân Lâm và Chung Thu, 2012, tr.290). Phong trào Đông Du đánh dấu “một cuộc đổi mới về tư duy yêu nước”, “một hành động mang tính đột phá, mở cửa hướng ra ngoài để học hỏi, tiếp nhận những cái mới cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam” (Đình Xuân Lâm và Chung Thu, 2012, tr.81). Mặc dù thất bại nhanh chóng trước sự đàn áp của kẻ thù, nhưng trên thực tế “Phong trào Đông Du có một ý nghĩa và giữ một vị trí quan trọng trong phong trào cách mạng Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX” (Đình Xuân Lâm và Chung Thu, 2012, tr.79) “chuyển tiếp giữa phong trào cách mạng kiểu cũ sang phong trào cách mạng kiểu mới, đứng về mặt con người đã giữ vai trò chuyển giao thế hệ, vừa kết thúc thời kỳ cũ lại vừa mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam” (Đình Xuân Lâm và Chung Thu, 2012, tr.79).

2.2.2 Về xây dựng chính thể nhà nước

Trong thời kỳ đầu hoạt động cách mạng, Phan Bội Châu vẫn còn loay hoay với tư tưởng quân chủ. Mặc dù sớm nhận ra sự suy thoái của chế độ phong kiến, song lúc bấy giờ vì “chưa có chủ nghĩa nào khác”, chưa tìm ra hướng đi tươi sáng hơn cho dân

tộc lúc bấy giờ, nên ông vẫn trung thành với chính thể quân chủ, thể hiện tinh thần trung nghĩa của bậc Nho học “Còn trời, còn đất, còn vũ trụ. Còn vua, còn chúa, hãy còn tôi” (Chương Thâu, 2000a). Thời gian đầu tiên bước trên con đường hoạt động cách mạng, Phan Bội Châu không tránh khỏi lúng túng, hoang mang. Ông trăn trở, đắn đo lựa chọn hướng đi đúng đắn cho dân tộc. Phan Bội Châu xác định, muốn đánh đuổi giặc cứu nước, tất phải có lực lượng, mà lực lượng chính theo Phan Bội Châu là “liên kết với dư đảng Cần Vương”, tập hợp những người trung nghĩa, phải tìm “người trong hoàng thân lập làm minh chủ”. Phan Bội Châu nhận định, tuy triều đình phong kiến đã đầu hàng, bán nước cho giặc, song ý thức hệ phong kiến nói chung vẫn còn đậm nét trong đầu óc của một bộ phận sĩ phu, quan lại và hào phú có tinh thần yêu nước. Đây cũng chính là lực lượng yêu nước cuối cùng của phong kiến Việt Nam. Nếu như tập hợp được lực lượng này, sẽ tranh thủ được sự ủng hộ nguồn lực vật chất rất lớn cho phong trào cách mạng.

“Với dân trí thấp và tập quán của nhân dân ta, chúng ta chưa thể làm theo châu Âu được, nếu không mượn tiếng vua chúa, thì các nhà giàu không ai chịu theo đâu” (Tôn Quang Phiệt, 1958, tr.229), “lợi dụng lòng người còn mến chủ cũ, vận động họ góp tiền góp của...mới có thể ra tay mưu tính việc khác được” (Phan Bội Châu và Nguyễn Khắc Ngữ, 1973, tr.86. Mặt khác, việc lựa chọn Cường Để - đích tôn của hoàng tử Cảnh làm chủ Duy Tân hội thể hiện chính sách đại đoàn kết mời hạng người đồng tâm của Phan Bội Châu. “Nếu Phan Bội Châu không bám lấy Cường Để thì đối với quan lại Nam triều không được cảm tình như thế, hoặc là vì cái lòng vị nể như thế mà hoạt động sẽ khó khăn hơn” (Tôn Quang Phiệt, 1958, tr.229). Thực tế lịch sử đã chứng minh, sau khi Phan Bội Châu lập Cường Để làm minh chủ cốt “dựa vào danh nghĩa ấy” “đề thu phục nhân tâm” (Tôn Quang Phiệt, 1958), hoạt động cách mạng của ông đã nhận được sự ủng hộ về vật chất rất lớn từ các hào phú trong nước, nhất là hào phú Nam Kỳ. Việc Phan Bội Châu dùng con bài Cường Để là vì đường lối cách mạng của ông, vì hoàn cảnh lịch sử của xã hội Việt Nam, vì tình hình thế giới ảnh hưởng và phần nào vì ở bản thân Cường Để cũng có điểm dùng được. Việc Phan Bội Châu dùng Cường Để không phải để khôi phục chế độ nhà Nguyễn mà là để thu phục nhân tâm, để có người có của mà tiến hành hoạt động cách mạng của mình.

Theo hướng đi đó, đến tháng 12/1904, Phan Bội Châu xúc tiến việc thành lập Duy Tân hội, tôn Kỳ ngoại hầu Cường Để làm hội chủ. Duy Tân hội thành lập đã nhất trí thông qua ba nhiệm vụ trước

mắt, trong đó Phan Bội Châu nhận nhiệm vụ thứ ba, đó là chuẩn bị xuất dương cầu viện và xác định phương châm và thủ đoạn xuất dương. Năm 1905, sau khi sang Nhật, tận mắt thấy được “cái hiện trạng của nước Nhật về chính trị, giáo dục, ngoại giao, thực nghiệp” (Chương Thâu, 2000b). Điều mà trước đây ông chưa hề được thấy “Vua nước Nhật Bản kính dân như thầy, như cha, thương dân như cha mẹ nuôi con, phải nuôi nấng con cô, giúp đỡ người tàn tật, bệnh, trường học không có cái gì là không dành phần cho dân trước rồi mới đến mình. Ngay cả việc giảng hòa, khai chiến, hành quân, thu thuế, điều binh,... không có việc gì là không do nghị viên nhân dân quyết định” (Chương Thâu, 2000a).

“Kìa xem Nhật Bản người ta

Vua dân như thế một nhà kính yêu

Chữ bình đẳng đặt đầu chính phủ” (Chương Thâu, 2000a)

Trong khi đó, vua quan triều Nguyễn tỏ ra thờ ơ vô cảm trước những nỗi khổ cực của người dân. Trong tác phẩm *Hải ngoại huyết thư*, Phan Bội Châu tố cáo:

“Com ngư thiện, bữa nghìn quan

Ngoài ra dân đói, dân tàn mặc dân” (Chương Thâu, 2000a)

Ông gọi Nhà Nguyễn là “một phường chó chết”, chuyên “hại dân để lợi cho mình” (Chương Thâu, 2000b).

Ở đây, bước đầu có thể nhận thấy rằng trong tư tưởng Phan Bội Châu đã ít nhiều có một sự chuyển biến “giữ quân chủ, nhưng là chủ nghĩa quân chủ lập hiến” (Chương Thâu, 2012). Phan Bội Châu đã bước đầu mừng tượng ra việc xây dựng một mô hình nhà nước Việt Nam kiểu mới, trong đó nhân dân là người nắm giữ vận mệnh đất nước “Sau khi duy tân rồi thì dân trí sẽ được mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt. Vận mệnh nước ta do nhân dân ta nắm giữ. Giữa đô thành nước ta đặt một tòa nghị viện lớn. Bao nhiêu việc chính trị đều do công chúng quyết định” (Chương Thâu, 2000a), “Phàm nhân dân nước ta không cứ là người sang hèn giàu nghèo lớn bé, đều có quyền bỏ phiếu bầu cử” (Chương Thâu, 2000a). Vua còn tồn tại nhưng quyền lực của vua không còn chuyên chế nữa. Tuy lúc đó “sắc chiếu của hoàng đế rất đáng tôn trọng, nhưng nếu nghị viện không đồng ý thì phải thu hồi mệnh lệnh đó” (Chương Thâu, 2000a). Có thể hình dung ra mô hình chính thể quân chủ lập hiến theo tư tưởng của Phan Bội Châu như sau: Nguyên thủ quốc gia đó là vua, nhưng quyền lực thực sự là cơ quan nghị viện

do dân bầu ra thông qua bỏ phiếu. Nhà nước do nhân dân bầu ra và bãi miễn “Trên là vua nên đề hay truất, dưới là quan nên thăng hay giáng; dân ta đều có quyền quyết định cả” (Chương Thâu, 2000a). Lúc này trách nhiệm của Nhà nước phải làm lợi cho cho dân, những điều mà nhân dân cho là trái thì không được phép làm. Có thể nói, trong bối cảnh xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, tư tưởng về mô hình nhà nước của Phan Bội Châu là hết sức tiến bộ, nó đã xác định được cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng dân chủ, hiệu quả, đảm bảo các quyền con người, đây là những giá trị hướng tới xây dựng nhà nước pháp quyền mà Phan Bội Châu đã đề cập đến từ rất sớm.

Tư tưởng về việc xây dựng hình thức thể chế nhà nước của Phan Bội Châu tiếp tục có những chuyển hướng rõ ràng khi nhà cầm quyền Nhật Bản và Pháp cấu kết với nhau khiến phong trào Đông Du tan rã, Phan Bội Châu chuyển địa bàn hoạt động sang Trung Quốc. Tại đây đã đánh dấu mốc lớn trong nhận thức về chính thể nhà nước của Phan Bội Châu chuyển từ quân chủ lập hiến sang mô hình cộng hòa. Ông tuyên bố từ bỏ tư tưởng quân chủ lập hiến của Duy Tân hội để thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội với tôn chỉ “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Nam, thành lập cộng hòa dân quốc”. Sự chuyển biến này là kết quả của một quá trình trải nghiệm thông qua các nấc thang nhận thức khác nhau của Phan Bội Châu.

Thực ra, việc xây dựng mô hình nhà nước cộng hòa đã bắt đầu áp ú trong tâm tưởng Phan Bội Châu từ trước đó. Ngay từ giai đoạn hoạt động cách mạng trong nước trước năm 1905, Phan Bội Châu đã có ít nhiều tiếp xúc với tư tưởng cộng hòa của các nước Âu Mỹ thông qua Tân thư. Nhưng khi chuẩn bị thành lập Duy Tân hội, Phan Bội Châu lại chọn chính thể quân chủ bởi “Phải hiểu dân trí và tập quán của dân nước nhà, không thể nào bắt chước làm theo châu Âu cho được” (Chương Thâu, 2000b).

Cho đến khi trải qua thời gian sống ở Nhật Bản, Phan Bội Châu có nhiều điều kiện nghiên cứu kỹ hơn mô hình quân chủ lập hiến. Xuất phát từ thực tế, cụ nhận thấy sự khác biệt cơ bản của người Nhật Bản và Việt Nam trong mối quan hệ quân – thần. Ở Nhật Bản, mối quan hệ giữa Nhật hoàng với dân chúng rất tốt đẹp, gần gũi “Người Nhật Bản vốn tôn trọng đức Thiên hoàng, tức là trợ tá thành chính thể quân chủ” (Chương Thâu, 2000a). Nghĩ về Việt Nam, ông mong ước “Dân ta bao giờ được ... như thế” bởi “Nguyễn Triều Việt Nam là một phường chó chết” (Chương Thâu, 2000c). Ông dành nhiều thời gian hơn để nghiên cứu các sách dân quyền từ

do ở phương Tây, ông nói “Được nghiên cứu nguyên nhân cách mạng nước ngoài và chính thể các nước, thì rất say sưa với lý luận của Lu Thoa” (Chương Thâu, 2000c), “Càng nhận được lý luận của Lu Thoa là tinh đáng lắm” (Chương Thâu, 2000c). Ngoài ra, từ khi Nhật Pháp cấu kết trục xuất phong trào Đông Du đã khiến Phan Bội Châu thất vọng tràn trề, biết rằng các “chính trị gia Nhật Bản tất thấy giàu về phần dã tâm mà nghèo về phần nghĩa hiệp”, cho nên “công việc của mình không thể trông cậy vào Nhật Bản nữa” (Chương Thâu, 2000c). Đáng quý hơn, trong thời gian ở Nhật Bản, Phan Bội Châu được tiếp xúc với Tôn Trung Sơn, cuộc gặp đó đã tác động không nhỏ đến tư tưởng của Phan Bội Châu “nên trong đầu óc đã xếp tư tưởng quân chủ vào một xó” (Phan Bội Châu và Nguyễn Khắc Ngữ, 1973). Trước đó, Tôn Trung Sơn kịch liệt công kích chủ trương quân chủ lập hiến của Duy Tân hội, yêu cầu cách mạng Việt Nam tham gia giúp đỡ cách mạng Trung Quốc, sau khi cách mạng Trung Quốc thành công sẽ giúp cách mạng Việt Nam “Ông Tôn vì đã đọc qua bản Việt Nam vong quốc sử, ông biết trong óc tôi chưa thoát khỏi tư tưởng quân chủ, nên ông hết sức bài bác đảng quân chủ lập hiến là hư ngụy” (Chương Thâu, 2000c).

Chính sự tác động mạnh mẽ từ nhiều nhân tố cộng với ảnh hưởng trực tiếp từ cách mạng Tân Hợi – Trung Quốc năm 1911 đã khiến Phan Bội Châu tiên hành dứt khoát cuộc cách mạng về tư tưởng chính thể “Từ lâu, chủ nghĩa quân chủ đã được đặt ra sau ót. Sở dĩ chưa dám xướng to lên, là vì lúc đầu tôi mới xuất dương, vẫn đã tiêu ngọn cờ quân chủ mà thủ tín với người... Bây giờ thì cục diện đã thay đổi rồi, tôi mới đề xuất nghị án ra trước công chúng là đổi quân chủ chủ nghĩa làm dân chủ” (Chương Thâu, 2000c)

Lúc này, ông tán dương “Chính thể dân chủ cộng hòa là một chính thể rất tốt đẹp” (Chương Thâu, 2000a). Cụ thể, ngay trong lời tuyên thệ đầu tiên của Việt Nam Quang Phục hội, Phan Bội Châu đã xác định hai nhiệm vụ lớn của hội là “Một là khu trừ dị tộc, khôi phục quốc quyền; hai là phá bỏ tận gốc nền chuyên chế, lập nên một chính thể hoàn thiện” (Chương Thâu, 2000a), nguyên lý cơ bản của nhà nước ấy là “Nước lấy dân làm chủ” (Chương Thâu, 2000a). Ở nhà nước cộng hòa, “quyền bính của nước là của chung toàn thể dân, do dân quyết định”, không còn sự tồn tại của chế độ quân chủ nữa “vì đó là một chính thể rất xấu xa” (Chương Thâu, 2000a). Và chỉ có chính thể cộng hòa dân chủ mới thực sự thể hiện được quyền lợi của nhân dân một cách triệt để nhất.

Với sự từng trải sau thời gian bốn ba hoạt động cách mạng, qua lựa chọn này, có thể nhận thấy Phan Bội Châu thực sự đã vượt qua giới hạn chính thể quân chủ để tiến tới chính thể cộng hòa. Mặc dù không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, nhưng với tư tưởng về chính thể cộng hòa dân chủ, Phan Bội Châu đã để lại giá trị rất lớn cho cách mạng Việt Nam, cho lịch sử tư tưởng Việt Nam. Về điểm này lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam đã ghi nhận đóng góp to lớn của Phan Bội Châu vào công cuộc tìm hướng đi giải phóng dân tộc. Nhà nghiên cứu Chương Thái cũng đã từng nhận xét “Công lao của Phan Bội Châu cho cách mạng Việt Nam chủ yếu là trong giai đoạn này” (Chương Thái, 2012).

Tóm lại, trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, Phan Bội Châu dành thời gian nghiên cứu, tìm hiểu chế độ phù hợp với đất nước. Trải qua nhiều nấc thang nhận thức khác nhau, tư tưởng Phan Bội Châu chuyển từ lập trường quân chủ sang lập trường dân chủ cộng hòa và cuối đời đã tiến gần với hệ tư tưởng chủ nghĩa xã hội mặc dù chỉ mới bằng cảm tính. Phan Bội Châu đã phác họa mô hình nhà nước trong tương lai đặt lợi ích nhân dân lên trên hết: đó là một nhà nước được thiết lập thông qua con đường bầu cử của nhân dân, không phân biệt giàu nghèo, gái trai; chính phủ không thể làm những việc gì trái với ý nguyện của nhân dân; nhân dân có nghĩa vụ giám đốc chính phủ, có quyền quyết định vua nên phế hay truất, dưới là quan nên thăng hay nên giáng; nhà nước đó phải có hiến pháp, chủ quyền thực sự hoàn toàn cả về đối nội, đối ngoại, phải đề cao vấn đề dân quyền... Quan điểm về chính thể nhà nước trong tư tưởng của Phan Bội Châu hết sức tiến bộ. Và với quan điểm này, Phan Bội Châu có đóng góp thiết thực, định hướng đúng đắn cho mô hình nhà nước ta và cho đến ngày nay tư tưởng ấy vẫn còn nguyên giá trị.

2.2.3 Về người lãnh đạo cách mạng

Trong quá trình xây dựng mục tiêu chiến lược trong hoạt động cách mạng, Phan Bội Châu đặc biệt quan tâm đến vai trò của người đứng đầu lãnh đạo cách mạng, xem đó là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định trực tiếp đến thành công hay thất bại của kế hoạch đề ra. Theo Phan Bội Châu, người đứng đầu lãnh đạo cách mạng phải là người có uy tín, thu phục được lòng dân, đoàn kết được các tầng lớp trong xã hội và phải chấp nhận sự hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, là người khi cần “một số ít người phải chịu đau đớn để mưu cầu hạnh phúc cho đại đa số” (Doãn Chính và Phạm Đào Thịnh, 2007). Người đứng đầu lãnh đạo cách mạng

phải có tầm nhìn xa, trông rộng, dự đoán được thời cơ nên làm hay không để có thể thay đổi thời thế, dành cái sống của mình để hoàn thành “sự nghiệp tuyệt diệu” của Tổ quốc. Từ việc nghiên cứu các bậc anh hùng của dân tộc như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi,... Phan Bội Châu rút ra ba tiêu chuẩn của người đủ khả năng đứng đầu lãnh đạo cách mạng: đầu tiên và chủ yếu nhất chính là nhiệt thành bởi “lòng nhiệt thành đó làm xúc động người ta không kể sống chết gì. Vậy thì việc vá trời lập biển không có gì là khó cả” (Chương Thái, 2000a), thứ hai mới đến kiến thức; thứ ba là nhân cách, nhân cách phải cao thượng “Nói về đạo đức thì không ai dám nói về danh; nói về anh hùng thì không ai dám nói về lợi” (Chương Thái, 2000a), nhân cách cao thượng được ví như “con chim hồng, con học sở dĩ bay được cao là nhờ có sáu cánh, nếu không có sáu cánh thì chẳng khác gì chim thường” (Chương Thái, 2000a).

Giai đoạn đầu, khi còn chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng phong kiến, Phan Bội Châu chưa nhận thấy vai trò tích cực của nhân dân, đặc biệt là nông dân trong tiến trình cách mạng, nên khi luận về nguồn gốc của anh hùng, ông cho rằng anh hùng chỉ là do thiên tài do trời sinh ra “trời sinh ra một bậc vĩ nhân đủ để lo liệu việc lo liệu việc lớn của một đời” (Chương Thái, 2000a), do “khí thiêng của non sông, phúc âm của nước nhà” (Chương Thái, 2000a) mà có hoặc là do cố gắng học hỏi mà thành, tức là “do sức người gây nên”. Xét đến cùng, Phan Bội Châu chỉ đặt niềm tin vào một tầng lớp duy nhất chính là kẻ sĩ. Mặc dù ngọn lửa Cần Vương mà vai trò của sĩ phu phong kiến đã tàn, nhưng đối với Phan Bội Châu, nho sĩ vẫn là những người mà ông tin tưởng nhất, chỉ họ mới có thể gánh vác nổi trọng trách cứu nước “Ôi!, đọc sách sáng lẽ chỉ có kẻ sĩ, tư tưởng lớn lao chỉ có kẻ sĩ, gánh nặng đường xa chỉ có kẻ sĩ” (Chương Thái, 2000a), “Tuy ngày nay bảo là anh hùng, ta vẫn hỏi ở dân ta, nhưng không phải đòi hỏi phiếm, trông mong phiếm. Ta chỉ đòi hỏi trông mong vào kẻ sĩ mà thôi” (Chương Thái, 2000a). Bởi theo ông, chỉ có sĩ phu mới có thể trở thành anh hùng vì “kẻ sĩ có thể dùng lưỡi để đánh, có thể dùng bút để đánh” (Chương Thái, 2000a), “kẻ sĩ là tiêu biểu cho muôn dân” (Chương Thái, 2000a).

Mặt khác, Phan Bội Châu vẫn chưa tin tưởng vào khả năng cách mạng, vai trò lãnh đạo của nông dân, bởi phần lớn nông dân lúc bấy giờ mù chữ. Những hạn chế trong tư tưởng của Phan Bội Châu về thủ lĩnh chính trị trong giai đoạn đầu đã nhanh chóng bị thay đổi khi ông tiếp cận với các tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây. Kể từ đây, Phan Bội Châu đã bắt đầu khẳng định vai trò của người nông dân trong sự nghiệp cứu nước mà trước đây ông chưa nhận ra. Từ

cách nhìn nhận mới đó, Phan Bội Châu dành nhiều tâm lực đi sâu nghiên cứu cuộc khởi nghĩa từ tầng lớp nông dân, điển hình là cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, qua đó đã để lại trong đầu Phan Bội Châu bao ấn tượng tốt đẹp. Ông nhận thấy tuy là những người thuộc tầng lớp nghèo khổ, nhưng nông dân đều là những người nhiệt tình yêu nước, hết sức căm thù bọn cướp nước và bè lũ tay sai bán nước, hơn nữa trong số họ cũng có nhiều khả năng trở thành lãnh tụ, thành các bậc anh hùng. Từ tư tưởng đó, trong tác phẩm “Trùng Quang tâm sử”, “Chân tướng quân”, Phan Bội Châu đã dành những tình cảm đặc biệt đối với tầng lớp “nghèo khổ, cùn cút” này, không quên ca ngợi tài trí của các vị anh hùng “không biết một chữ quen” Yên Thế. Và “nếu không có ức triệu anh hùng vô danh khác lôi kéo thúc đẩy, giúp đỡ cho các vị anh hùng lỗi lạc đó cũng không thể thành công được” (Chương Thâu, 2000b). Đến thời điểm này, dường như chính ông đang tự phủ định những ý kiến của mình trước đây. Ở khía cạnh này, Phan Bội Châu đã bộc lộ được tầm nhìn chiến lược của mình, vượt qua khuôn khổ Nho giáo, Phan Bội Châu đã sớm nhận thấy vai trò và mối quan hệ giữa nông dân với vai trò lãnh đạo cách mạng, mặc dù chưa tiến đến nhận thức “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, nhưng ông đã sớm nhận ra sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc không thể thành công nếu như không có sự đoàn kết, đồng tâm, hiệp lực của đông đảo các tầng lớp nhân dân, trong đó nông dân là nòng cốt.

Sau một thời gian dài bôn ba tìm đường cứu nước, sự lớn chưa thành, thất bại liên tiếp nối nhau, trải qua những ngày ngả nghiêng, dao động, Phan Bội Châu lại mạnh mẽ đứng lên, tiếp tục con đường hoạt động cách mạng. Bước sang những năm 20 của thế kỷ XX, khi chủ nghĩa xã hội đã thành công trên một phần sáu quả địa cầu đã trở thành ánh sáng kỳ diệu đối với nhân dân thế giới, nhất là đối với nhân dân bị áp bức bóc lột. Tư tưởng của Phan Bội Châu đã có sự chuyển biến, ông “nhận thấy phong trào hiện nay đã dần dần khuynh hướng về cách mạng thế giới” (Phan Bội Châu và Nguyễn Khắc Ngữ, 1973). Trước tình hình chiến sự mới, Phan Bội Châu đặc biệt quan tâm đến giai cấp công nông, vai trò của giai cấp công nông được ông nhắc đến nhiều hơn, coi sự vùng dậy đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của công nhân và nông dân như một vấn đề tất yếu của lịch sử. Trong Phạm Hồng Thái truyện, ông lý luận “Thế thường con chim mà cùng thì nó cũng mổ, con thú mà cùng thì nó cũng vồ. Sự cùng quần của nông dân và công nhân nước ta đã cùng quá lắm rồi. Ngòi hỏa đạn bắn vào cường quyền đã âm ỉ

trong lòng rồi cũng có lúc bùng nổ ra. Ngòi lửa đó mà bốc cháy thì cung đình của bọn đế quốc sẽ phải cháy trụi” (Chương Thâu, 2000b).

Lúc này, Phan Bội Châu mạnh dạn khẳng định, trong tương lai họ sẽ là người gánh vác công việc cứu nước, cho nên phải giáo dục, rèn luyện họ “Việc huấn luyện cách mạng xã hội không thể thành công nếu không dựa vào số đông người thuộc giai cấp dưới, số đông của giai cấp dưới tức là công nhân và nông dân” (Chương Thâu, 2000b). Ở đây, có thể nhận thấy được sự chuyển biến rõ rệt trong tư tưởng Phan Bội Châu về người đứng đầu lãnh đạo cách mạng. Từ chỗ nhận thức chung chung, chưa cụ thể về mục đích hy sinh của những người lãnh đạo như “Vì nghĩa diệt thù, sống cũng sướng mà chết cũng sướng” (Chương Thâu, 2000a), hoặc hy sinh vì một người (vua), một nhà, một họ thì nay nhận thức của ông đã có bước tiến vượt bậc, đề cao sự hy sinh vì quyền lợi của dân tộc. Vì lẽ đó Phan Bội Châu đánh giá thấp hành động của Trương Tử Phòng so với Phạm Hồng Thái vì Trương hoạt động vì vua, còn Phạm thì vì dân tộc, đặc biệt là vì bình dân “cho nên mới biết rằng việc đánh Tần ở Bắc Lăng là để thủ oan cho bọn quý tộc, chứ đâu phải là để làm hả giận cho đám bình dân. Còn như để trả thù cho dân, hết lòng với đảng, để rửa nhục mất nước cho 50 triệu đồng bào mà cam tâm chịu mất đầu thì tư tưởng ấy Trương Tử Phòng chưa bì kịp Phạm Hồng Thái. Cho nên nói Phạm Hồng Thái hơn Trương Tử Phòng” (Chương Thâu, 2000b).

Tóm lại, từ khi nhận thấy vai trò nòng cốt của công nhân và nông dân, Phan Bội Châu đã có sự tiến bộ, chuyển biến về chất trong nhận thức, ông coi công nhân và nông dân chính là lực lượng quan trọng, quyết định sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc; xem việc phục vụ lợi ích của đông đảo công nhân và nông dân là mục đích tối cao của công cuộc giải phóng dân tộc. Điều này nằm trong dòng chảy chung của lịch sử tư tưởng Việt Nam thời kỳ này, khi mà “Hình ảnh của vua mờ đi, hình ảnh của dân rạng lên, nghĩa đồng bào chói sáng” (Trần Văn Giàu, 1975). Suy cho cùng, nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi đó bắt nguồn từ truyền thống yêu nước nồng nàn và lòng căm thù giặc sâu sắc của dân tộc “Trước kẻ thù xâm lược, nhân dân ta muôn vạn người đứng dậy, đầu rơi máu chảy cũng không lui. Thực tế đó đã giúp cho Phan về chủ nghĩa anh hùng” (Trần Huy Liệu, 1967).

Như vậy, Phan Bội Châu đã từ chỗ tôn sùng vua đến chỗ coi trọng kẻ sĩ, cụ thể tiến đến đề cao công nông. Cho nên, xét những thời kỳ đầu trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Phan Bội Châu, thì cụ

chính là người thuộc thế hệ tiếp cận với thời đại cách mạng do thế hệ mang tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin lãnh đạo. Từ khi nhận thấy vai trò nòng cốt của công nhân và nông dân, Phan Bội Châu đã có sự tiến bộ, chuyển biến về chất trong nhận thức, ông coi công nhân và nông dân chính là lực lượng quan trọng, quyết định sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc; xem việc phục vụ lợi ích của đồng bào công nhân và nông dân là mục đích tối cao của công cuộc giải phóng dân tộc. Điều này nằm trong dòng chảy chung của lịch sử tư tưởng Việt Nam lúc bấy giờ.

2.2.4 Quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu góp phần khơi dậy, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, đấu tranh cách mạng, xây dựng và phát triển đất nước của dân tộc Việt Nam

Hy sinh suốt đời cho sự nghiệp cách mạng, nhưng sự lớn chưa thành. Cuối đời Phan Bội Châu vẫn không nguôi hy vọng, mong mỏi vào thế hệ trẻ nối tiếp sẽ đưa tư tưởng dân chủ xã hội chủ nghĩa mới tượng hình trong tâm tưởng cụ, phát triển đúng hướng và thắng tiến đến thành công. Bên cạnh đó, tư tưởng canh tân của cụ, cùng các chủ trương cụ thể về canh tân đất nước đã tiến hành và đạt được những thành quả nhất định trong phong trào giải phóng dân tộc, đó được xem là tài sản quý báu, để cho thế hệ sau bảo tồn, gìn giữ và phát huy tích cực trong điều kiện mới. Hiện nay, không những chỉ cần độc lập dân tộc, mà còn cần phải vận động, đổi mới từng ngày mới có thể bắt nhịp với thế giới. Chính yêu cầu đó của lịch sử đã khẳng định vai trò quan trọng của phong trào duy tân đổi mới và cải cách đã từng được Phan Bội Châu ấp ủ và khởi xướng. Quan điểm về duy tân đất nước, về mô hình nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa là đóng góp to lớn cho sự phát triển của Việt Nam hiện tại, đặc biệt khi đất nước đang cùng nhau tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội như hiện nay.

Trong suốt quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước, Phan Bội Châu kịch liệt phê phán sự mê muội, yếu hèn của người dân cam chịu trước sự đàn áp của kẻ thù. Cụ đặc biệt nêu cao chủ trương nâng cao dân trí, đầu tư cho giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ đảng viên và nhân dân. Thông qua giáo dục, người dân tự tin vào năng lực và sức mạnh của mình, ý thức rõ vai trò và giá trị của bản thân, từ đó có đủ tinh thần và nghị lực, ý chí, bản lĩnh, đồng tâm đứng lên bảo vệ và phát triển nước nhà. Nói cách khác, từ quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu đã khơi dậy và xây dựng cho con người Việt Nam thế hệ ngày nay có một “não chất

độc lập”, có ý thức, có giác ngộ, hiểu biết, có can đảm, dám muốn, dám làm, dám đấu tranh cho độc lập, tự do của mỗi con người, của nhân dân và dân tộc, không cầu ở lực lượng thần bí nào, không run sợ trước bất cứ cường quyền, áp bức nào. Tư tưởng này của cụ đến nay vẫn còn nguyên giá trị và được Đảng, Nhà nước ta tiếp tục phát huy trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Giá trị của quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu trong giai đoạn hiện nay còn có tác dụng vô cùng to lớn, sâu rộng và thiết thực trong việc thức tỉnh và nâng cao tinh thần yêu nước, hun đúc ý chí chiến đấu, tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp cách mạng mới. Tinh thần ấy đã góp phần xây dựng cho thanh niên Việt Nam giai đoạn hiện nay một lý tưởng sống cao đẹp, một lẽ sống đúng đắn, vì nghĩa lớn của dân tộc, đó là đấu tranh bảo vệ tự do đất nước, giữ gìn hạnh phúc của nhân dân, xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành một dân tộc hùng cường, tự do và hạnh phúc.

3 KẾT LUẬN

Quá trình chuyển biến tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu đã đem lại cho cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ “...một trăm lần thất bại mà không một lần thành công”. Song điều đó không thể phủ nhận công lao, cống hiến to lớn của cụ đối với lịch sử dân tộc, Người đã cho cả thế giới thấy rằng dân tộc Việt Nam luôn luôn đấu tranh chống xâm lăng mà không thể diệt vong được. Tư tưởng cứu nước của cụ được coi là “bản lề nối liền giữa truyền thống và hiện đại, là sự tích lũy cần thiết chuẩn bị cho bước nhảy vọt tất yếu trong tiến trình phát triển tư tưởng của dân tộc”, “là luận cứ để chứng minh cho tính cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” (Nguyễn Văn Hòa, 2006).

Giai đoạn hiện nay, đất nước Việt Nam không những cần có độc lập dân tộc, mà phải giàu mạnh, có dân chủ và văn minh. Chính yêu cầu đó của lịch sử đã khẳng định vai trò quan trọng của sức mạnh đoàn kết và tinh thần yêu nước mà các bậc tiền bối nổi bật là Phan Bội Châu đã tiếp thêm niềm tin tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Bội Châu và Nguyễn Khắc Ngữ, 1973. Phan Bội Châu niên biểu. Nhóm nghiên cứu sử - địa xuất bản. Sài Gòn, 310 trang.
- Doãn Chính và Phạm Đào Thịnh, 2007. Quá trình chuyển biến tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế

- kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua các nhân vật tiêu biểu, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 326 trang.
- Trần Văn Giàu, 1975. Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám, tập I. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, 565 trang.
- Nguyễn Văn Hòa, 2006. Tư tưởng triết học và chính trị của Phan Bội Châu. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 212 trang.
- Đình Xuân Lâm và Chương Thâu, 2012. Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX, nhân vật và sự kiện. Nxb Lao động. Hà Nội, 555 trang.
- Trần Huy Liệu, 1967. Phan Bội Châu tiêu biểu cho những cuộc vận động yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Nghiên cứu lịch sử. 105: 16 – 26.
- Hồ Chí Minh, 2000. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, xuất bản lần 2. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 553 trang.
- Tôn Quang Phiệt, 1958. Phan Bội Châu và một số giai đoạn lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt Nam. Nxb. Văn hóa. Hà Nội, 258 trang.
- Chương Thâu, 2000a. Phan Bội Châu toàn tập, tập 2. Nxb. Thuận Hóa. Huế, 615 trang.
- Chương Thâu, 2000b. Phan Bội Châu toàn tập, tập 5. Nxb. Thuận Hóa. Huế, 718 trang.
- Chương Thâu, 2000c. Phan Bội Châu toàn tập, tập 6. Nxb. Thuận Hóa. Huế, 623 trang.
- Chương Thâu, 2012. Phan Bội Châu – Nhà yêu nước, nhà văn hóa lớn. Nxb. Văn hóa Thông tin. Hà Nội, 474 trang.
- V.I.Lênin, 2006. V.I.Lênin Toàn tập, tập 2. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội., 840 trang.